

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/5/2022

V/v “ Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Tứ Hải

2. Ông Phạm Văn Động

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: ông Trần Công Đình, kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, ấp T T, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn : Anh **Thái Thanh L**, (P) sinh năm: 1977 (Có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, ấp T, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Thái Thanh L chung sống với nhau vào năm 2005 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 06/02/2006, số 07/2006. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, áp lực trong công việc và gia đình. Đến năm 2019 anh L có những lời lẽ thô tục xúc phạm đến danh dự của chị T từ đó vẫn đến gia đình không hạnh phúc mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được.

Nay, chị T xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thái Nguyễn Duy K, sinh ngày 25/6/2006 và cháu Thái Gia T, sinh ngày 21/3/2012, cháu đang chung sống với vợ chồng.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Thái Thanh L.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con tên Thái Nguyễn Duy K, sinh ngày 25/6/2006 và cháu Thái Gia T, sinh ngày 21/3/2012 không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 4 năm 2022 anh Thái Thanh L trình bày:

Qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về năm chung sống, vợ chồng có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn anh L cho rằng: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ lời qua tiếng lại, anh cũng không hiểu vì sao chị T làm đơn xin ly hôn.

Tại Tòa án anh L có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T, anh vẫn còn thương vợ con. Trong trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Anh Thái Thanh L cũng đồng ý giao hai con tên Thái Nguyễn Duy K, sinh ngày 25/6/2006 và cháu Thái Gia T, sinh ngày 21/3/2012, cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nguyện vọng của cháu Thái Nguyễn Duy K, sinh ngày 25/6/2006 và cháu Thái Gia T, sinh ngày 21/3/2012, hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Thái Thanh L.
3. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Thái Thanh L và nguyện vọng của cháu Thái Nguyễn Duy K và cháu Thái Gia T. Tiếp tục giao cháu Thái Nguyễn Duy K, sinh ngày 25/6/2006 và cháu Thái Gia T, sinh ngày 21/3/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Anh Thái Thanh L không cấp dưỡng nuôi con.
4. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Thái Thanh L đang cư trú tại tổ 01, ấp T, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Thái Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do anh đi làm ăn xa không đến dự phiên tòa được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thái Thanh L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Thái Thanh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 06/02/2006, số 07/2006

là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3.1] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T thấy rằng sau khi kết hôn, chị T và anh L chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, áp lực trong công việc và gia đình, ngoài ra anh L còn ghen tuông và có những lời lẽ thô tục xúc phạm đến bản thân của chị T. từ đó làm cho cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, quá trình giải quyết vụ án anh L và chị T thừa nhận rằng hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau nữa, anh L đi làm ăn xa từ năm 2018 đến nay thỉnh thoảng anh L mới về thăm con một lần điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh L và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian không sống chung với nhau anh chị không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,*”

[3.2] Xét lời khai nại của anh L không đồng ý ly hôn với chị T mà xin được đoàn tụ, hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh L là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình chung sống anh chị luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống có lối sống không phù hợp từ năm 2018 đến nay anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, tại Tòa án anh L động viên chị T trở về đoàn tụ, tiếp tục cuộc sống hôn nhân và nuôi dạy con chung, nhưng không được chị T chấp nhận, chị T cương quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị T và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn....*”

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thảo.

[4] Về con chung: Chị T và anh L xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Thái Nguyễn Duy K, sinh ngày 25/6/2006 và cháu Thái Gia T, sinh ngày 21/3/2012 hiện hai con đang ở với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi hai con không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4.1] Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị T là có cơ sở. Bởi lẽ, tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2022 anh Thái Thanh L cũng đồng ý giao cháu Thái Nguyễn Duy K và cháu Thái Gia T cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Theo nguyện vọng của cháu K và cháu T thì hai cháu có nguyện vọng ở với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Thái Thanh L và nguyện vọng của cháu K và cháu T. Tiếp tục giao cháu Thái Nguyễn Duy K,

sinh ngày 25/6/2006 và cháu Thái Gia T, sinh ngày 21/3/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Anh Thái Thanh L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Thái Thanh L.
3. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Thái Thanh L và nguyện vọng của cháu Thái Nguyễn Duy K và cháu Thái Gia T. Tiếp tục giao cháu Thái Nguyễn Duy K, sinh ngày 25/6/2006 và cháu Thái Gia T, sinh ngày 21/3/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Anh Thái Thanh L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006298 ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thái Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

